TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2024
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2024 giữa:

- **Nguyên đơn**: chị **Huỳnh Thị Ánh N**, sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- **Bị đơn**: anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 23/5/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh N trình bày**: Chị N và anh Nguyễn Văn K quen biết, tìm hiểu nhau 07 năm và anh chị có tình cảm với nhau, anh chị quyết định kết hôn với nhau, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2006 và anh chị có đăng ký kết hôn trễ hạn tại tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 27/2/2019. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp, anh K không chung thủy mà còn ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng chị đã tự

ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị N đã suy nghĩ rất kỹ và chị N xác định chị cũng không còn tình cảm yêu thương dành cho anh K vì sống với anh K là chị rất khổ nên chị N quyết định ly hôn với anh K.

Quá trình sống chung với anh K, vợ chồng chị có hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 09/12/2015. Hai con chung sống với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung chị N xác định là không có.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho chị N được được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 09/12/2015 và chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K không có mặt tại phiên tòa**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh K không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung giao hai người con tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 09/12/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K và yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "ly hôn, yêu cầu nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn K với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị Ánh N và anh Nguyễn Văn K quen biết, tìm hiểu nhau 07 năm và anh chị có tình cảm với nhau, anh chị quyết định kết hôn với nhau, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2006 và anh chị có đăng ký kết hôn trễ hạn tại tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang số: 24/2019 ngày 27/2/2019 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị N được ly hôn với anh K vì lý do hai người không hợp, anh K không chung thủy mà còn ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay. Đối với anh K, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh K đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N khai rõ trong thời gian ly thân, chị N đã suy nghĩ rất kỹ và chị N cũng không còn tình cảm yêu thương dành cho anh K vì sống với anh K là chị rất khổ nên chị N quyết định ly hôn với anh K. HĐXX thấy rằng, sau thời gian chung sống với nhau giữa chị N, anh K mới phát sinh sự bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và hai người không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau; đồng thời chị N khai trong thời gian ly thân với anh K từ năm 2020 đến nay chị và anh K ko có gặp nhau và cũng không có liên lạc với nhau nên làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: chị N khai vợ chồng chị có hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày

09/12/2015. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi hai con và cháu Q, cháu N1 cũng được phát triển bình thường về mọi mặt; đồng thời hai con Nguyễn Huỳnh Phương Q và Nguyễn Hoài N1 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao hai con tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 09/12/2015 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của hai con, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh K thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh K theo quy định nhưng anh K vẫn không có mặt không có lý do và anh K cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với nội dung vụ án là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bằng 300.000 đồng chị Huỳnh Thị Ánh N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân*:* chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương Q, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 09/12/2015 cho chị Huỳnh Thị Ánh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*:* Miễn xét.

4. Về án phí HNST*:* bằng 300.000đồng chị Huỳnh Thị Ánh N phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006020 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho chị N được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/10/2024. Báo cho anh K biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THỘM PH□N-CH□ T□A PHI□N T□A

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-Các đ- ơng sự;
-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh